



SEJONG UNIVERSITY

Admission Document Guide for International Applicants to Korean Universities

UNDERGRADUATE



CONTENTS

1 DIRECTIONS	p. 3
2 APPLICANT'S PASSPORT	p. 4
(2-A. RESIDENCE CARD)	p. 5 & 6
3 BOTH PARENTS' PASSPORTS or IDs	p. 4, 7, 8 & 9
4 PARENT-CHILD RELATIONSHIP	p. 10 to 13
5 HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT	p. 14 to 59
6 ELIGIBILITY DOCUMENTS	p. 60 to 62
1) English Track: (IELTS / TOEFL iBT / New TEPS / CEFR B2)	
2) Korean Track: (TOPIK, KIIP, Sejong Institute Certificate of Course Completion)	
7 VERIFICATION OF DEPOSIT	p. 63
8 VERIFICATION OF AGREEMENT FOR ACADEMIC RECORDS	p. 64

INDEX



MANDATORY



MANDATORY WHEN APPLICABLE



MUST BE ORIGINAL

=MUST BE HAND-SIGNED AND INK-STAMPED



MUST BE SUBMITTED AS A SET

1. DIRECTIONS

All documents are required to undergo notarization, consular certification, or apostille authentication either in the country of issuance or via the issuing country's consulate located in Korea.

Applicants must submit the original certified document along with a notarized English translation, for documents issued in languages other than Korean or English.

All notarization must be performed in the document's country of issuance and must certify both the original document and its translation as a single, unified set.

Any document that is translated into Korean and notarized within Korea will be rejected.

(#2 & #3) Applicants must submit a copy of their own passport as well as copies of their parents' passports. If a parent does not possess a passport, a notarized and translated copy of the parent's national identification card may be submitted instead.

#2-A. Applicants who have been issued a Residence Card (formerly the Alien Registration Card, ARC) while residing in Korea are required to submit a photocopy of both the front and back sides of the card.

* In cases where the Residence Card is under extension, a Certificate of Foreign Resident Registration (Form C322B) must be submitted in place of the card. [p. 6](#)

(#4) Applicants must submit a notarized document that officially establishes the parent-child relationship.

(#5) Applicants are required to submit their high school graduation documents along with their academic transcript. All submitted documents must include certified translations and must be notarized and legalized through consular certification.

* Graduates who have not yet received their official certificates may submit a provisional or temporary graduation certificate, provided that it is translated, notarized, and consulate-certified.

(#6) English Track applicants must submit a score of TOEFL (CBT 197 / iBT 71), IELTS 5.5, TEPS 601 (NEW TEPS 327), or CEFR B2 or higher.

Korean Track applicants must submit proof of Korean proficiency via a score from TOPIK, a certificate from KIIP (사전 평가 증명서, 이수증, or 교육 확인서), or a Sejong Institute Certificate of Course Completion (excluding online courses).

(#7) Applicants must submit an original Verification of Deposit showing a minimum balance of KRW 20,000,000, held under the applicant's or a parent's name. The deposited funds must be frozen and remain inaccessible until after the semester has commenced.

(#8) Applicants are required to submit the Academic Record Verification Agreement in order to ensure a fair and transparent selection process.

These requirements are specific to applicants from Vietnam.

2-A. APPLICANT'S RESIDENCE CARD

#1 if issued



일련번호

• 체류기간 (Duration of Stay)

허가일자	만료일자	확 인

• 체류지 (Address)

신고일	체 류 지

유효 및 취업가능 확인 <http://www.hikorea.go.kr>
 민원안내 국번없이 ☎1345 (하이코리아)

2-A. APPLICANT'S RESIDENCE CARD

#2 if RC is under extension

■ 출입국관리법 시행규칙 [별지 제139호서식]

* 이 증명서는 정부24(www.gov.kr)에서 무료로 발급받을 수 있습니다.

외국인등록 사실증명 CERTIFICATE OF FOREIGN RESIDENT REGISTRATIC (약칭 : 외국인등록증명, 약호 : C322B)

발급번호 (Serial No.)	발급일 (Date of Issuance)	현재등록자 (Currently Registered)	
대상자 (Person to whom the Certificate is Issued)	외국인등록번호 (Foreign Resident Registration No.)		
	성명 (Full Name)		
	변경 전 성명 (Previous Full Name)		
	성별 (Sex)	생년월일 (Date of Birth)	여권번호 (Passport No.)
	국가/지역 (Country/Region)	체류자격 (Status of Sojourn)	
	체류기간 (Period of Sojourn)	등록일자 (Date of Registration)	
등록체류지 (Address)			
이전의 등록번호/말소된 주민등록번호 (Previous Registration No./ Expired Korean Resident Registration No.)			
용도 (Purpose)	기타 (To be submitted to other agencies)	신청인 (Name of Applicant)	
* 체류자격 변경 사항 포함 [] 네 / [] 아니오 * Previous status of sojourn to be shown on the certificate. [] Yes / [] No			
체류자격 변경사항 (Record of Status of Sojourn Change)	변경일 (Date of Change)	체류자격 (Status of Sojourn) 유학(D-2) 이 하 빈 칸 (This space has been intentionally left blank.)	비고 (Remarks)
	변경일 (Date of Change)	주소 (Residential Address in Korea) 이 하 빈 칸 (This space has been intentionally left blank.)	비고 (Remarks) 현재 (Current Address Only)
동거 가족 사항 (Family Member(s) who Live Together)	관계 (Relationship)	성명 (Name) 이 하 빈 칸 (This space has been intentionally left blank.)	성별 (Sex) 외국인등록번호 (Foreign Resident Registration No.)
	이 하 빈 칸 (This space has been intentionally left blank.)		

* 동거 가족 사항은 당사자의 제출서류 등을 바탕으로 작성되었으며, 친족관계 변동에 대하여 별도 확인이 필요할 수 있습니다.
The above family member details are based on submitted documents, further verification may be required in case of any change.

「출입국관리법」 제88조제2항에 따라 위의 사실을 증명합니다.

I hereby certify that the above information is true in accordance with paragraph 2, Article 88 of the Immigration Act, of the Republic of Korea.

발급일 (Date of Issuance) 년 (Year) 월 (Month) 일 (Day)

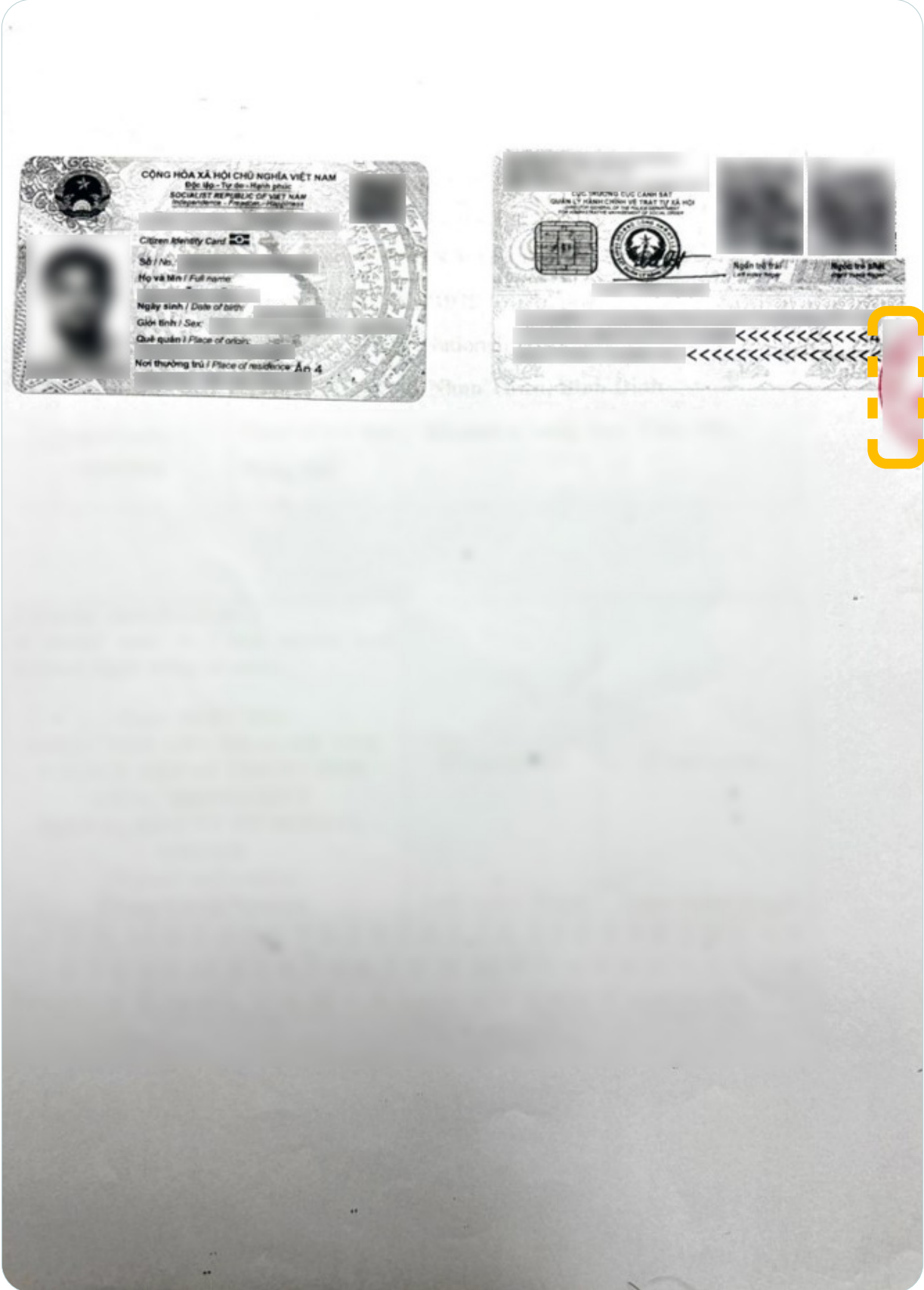
발급 담당자 (Officer in Charge)

전화번호 (Phone No.)



3. PARENTS' PASSPORTS/IDS

#1. PARENTS' ID




3. PARENTS' PASSPORTS/IDS

#1. PARENTS' ID

<p>I, [REDACTED] Citizen Identity Card No. [REDACTED] Date of issue: [REDACTED], place of issue: The Police Department for Administrative Management of Social Order, undertake that I have translated accurately this document from Vietnamese to English.</p> <p>Tôi, [REDACTED] CCCD số: [REDACTED] Cấp ngày: [REDACTED] tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội, tôi cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.</p> <p>[REDACTED] (Translator)</p>	<p>At The People's Committee of [REDACTED] I, Deputy Head of [REDACTED] District 10 [REDACTED] CERTIFY [REDACTED] Tại Ủy ban nhân dân quận 10 – TP. Hồ Chí Minh Tôi: [REDACTED] là: [REDACTED] Ông: [REDACTED] là người đã ký vào bản dịch này.</p> <p>Số chứng thực: [REDACTED] Quyển số: [REDACTED] Certification No: Book No: [REDACTED] Ngày [REDACTED]</p> <p>[REDACTED]</p>
--	---

4. PARENT-CHILD RELATIONSHIP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Số: [REDACTED]

Họ, chữ đệm, tên: [REDACTED]
Ngày, tháng, năm sinh: [REDACTED] ghi bằng chữ: [REDACTED]

Giới tính: [REDACTED] Dân tộc: [REDACTED] Quốc tịch: Việt Nam
Nơi sinh: [REDACTED]
Quê quán: [REDACTED]
Số định danh cá nhân: [REDACTED]

Năm sinh: [REDACTED] Dân tộc: [REDACTED] Quốc tịch: Việt Nam
Nơi cư trú: [REDACTED]
Họ, chữ đệm, tên người cha: [REDACTED]
Năm sinh: [REDACTED] Dân tộc: [REDACTED] Quốc tịch: Việt Nam
Nơi cư trú: [REDACTED]
Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: [REDACTED]
Nơi đăng ký khai sinh: [REDACTED]
Ngày, tháng, năm đăng ký: [REDACTED]

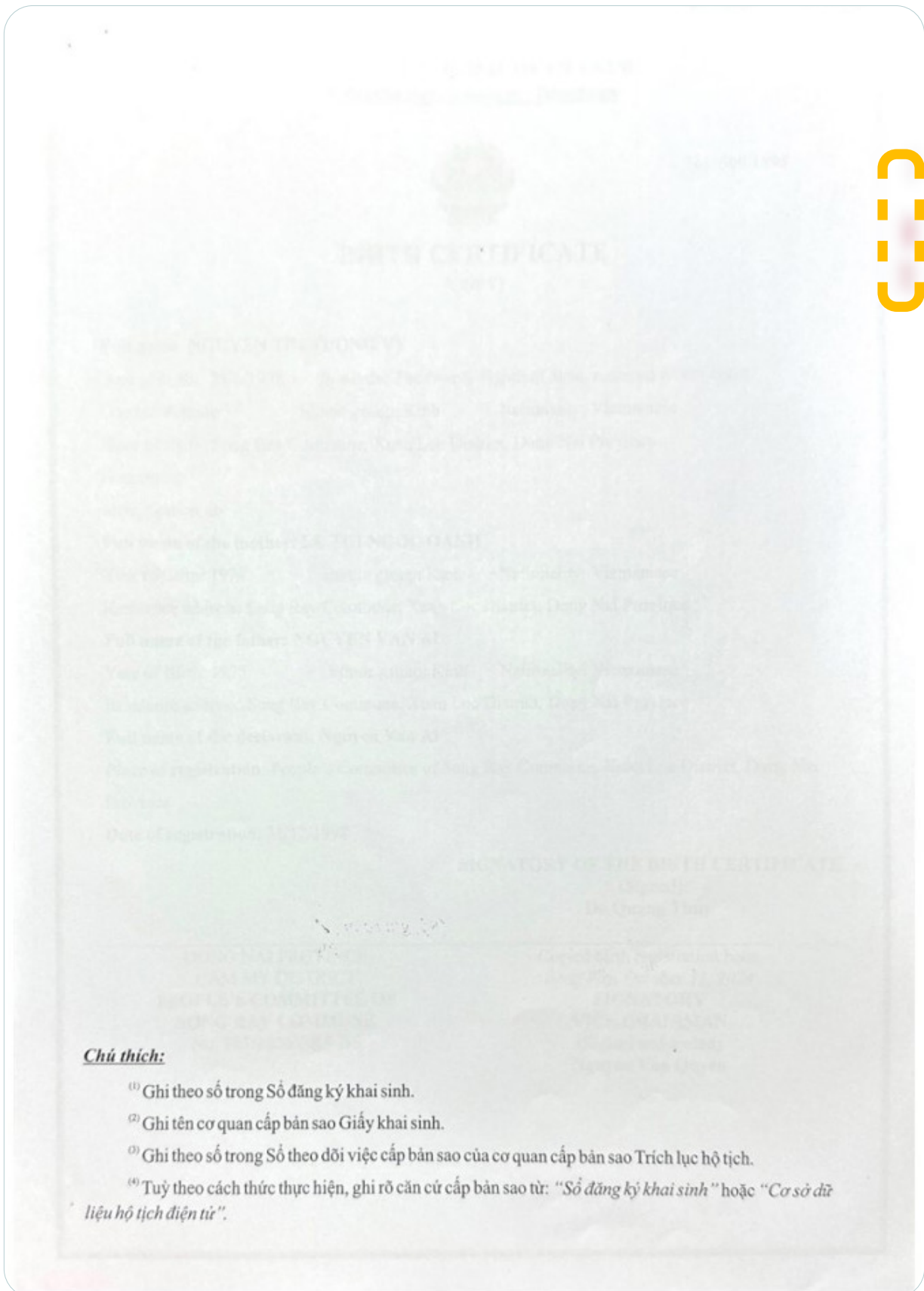
NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)
Đỗ Quang Thúy

Sao từ Sổ đăng ký khai sinh
Số đăng ký khai sinh: [REDACTED]
Sông Ray, ngày 11 tháng 10 năm 2024

[REDACTED] (đóng dấu)

TỈNH ĐỒNG NAI
HUYỆN CẨM MỸ
UBND XÃ SÔNG RAY

4. PARENT-CHILD RELATIONSHIP




The image shows a sample of a Vietnamese Birth Certificate (Giấy khai sinh). The document is titled "BIRTH CERTIFICATE" and "GIẤY KHAI SINH" in both English and Vietnamese. It contains fields for the child's name, date of birth, sex, and the names of the parents. The certificate is signed by the local People's Committee. A yellow barcode is visible on the right side of the document.

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: "Sổ đăng ký khai sinh" hoặc "Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử".

4. PARENT-CHILD RELATIONSHIP

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



No: _____

BIRTH CERTIFICATE
(COPY)

Full name: _____

Date of birth: _____ **In words:** _____

Gender: _____ **Ethnic group:** _____ **Nationality:** Vietnamese

Place of Birth: _____

Hometown: _____

Identification no: _____

Full name of the mother: _____

Year of Birth: _____ **Ethnic group:** _____ **Nationality:** Vietnamese

Residence address: _____

Full name of the father: _____

Year of Birth: _____ **Ethnic group:** _____ **Nationality:** Vietnamese

Residence address: _____

Full name of the declarant: _____

Place of registration: _____

Date of registration: _____

SIGNATORY OF THE BIRTH CERTIFICATE
(Signed)

DONG NAI PROVINCE
CAM MY DISTRICT
PEOPLE'S COMMITTEE OF
SONG RAY COMMUNE
No: _____


Copied birth registration book
Song _____
SIGNATORY
VICE CHAIRMAN
(Signed and sealed)

4. PARENT-CHILD RELATIONSHIP

<p>I, _____ Citizen Identity Card No. _____ Date of issue: _____ place of issue: The Police Department for Administrative Management of Social Order, undertake that I have translated accurately this document from Vietnamese to English.</p>	<p>At The People's Committee of District 10 - Ho Chi Minh City I, _____ Deputy Head of _____ of District 10 CERTIFY _____ is the person who signed this Translation.</p>
<p>Tôi, _____ CCCD _____ Cấp ngày: _____ tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội, tôi cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.</p>	<p>Tại Ủy ban nhân dân quận 10 – TP. Hồ Chí Minh Tôi: _____ là: Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 10. Ông: _____ là người đã ký vào bản dịch này.</p>
<p>_____ _____ (Translator)</p>	<p>Số chứng thực: _____ Quyển số: _____ Certification No: _____ Book No: _____</p>
<p>_____ _____</p>	<p>_____ _____ _____</p>

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

HIGH SCHOOL DIPLOMA

Full name: TRẦN THỊ LAN ANH

Date, month, year of birth: 01/01/2000

Place of birth: QUẢNG BÌNH

Gender: Female Ethnic group: Kinh

Student of school: Thanh Thủy High School

Graduation exam course: 2019 – 2020 Examination council: Department of Education and Training of Quảng Bình
Quảng Bình, 07 September 2020
CHIEF OF DEPARTMENT OF EDUCATION AND TRAINING
QUẢNG BÌNH

(Signed and sealed)

Serial No.: 0000000000 Thanh Thủy

Reg. No.: 000000

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

I, undersigned Nguyen Thu Thao Duyen, ID Card No.: [REDACTED], issued on [REDACTED] by Police Department on Administrative Management of Social Order commit that I exactly translated the content of this document from Vietnamese into English.

Date: [REDACTED]

Tôi, Nguyễn Thu Thảo Duyên, Căn cước công dân số: 030198012192 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày [REDACTED]. Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Ngày 07 tháng 10 năm 2024
NGƯỜI DỊCH/TRANSLATOR


Nguyễn Thu Thảo Duyên

Date: [REDACTED]

At Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province.

I, [REDACTED]
Head Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province

Certify: Ms. Nguyen Thu Thao Duyen signed this translation before me.

Certificate No.: [REDACTED] Volume No.: [REDACTED]

Ngày 07 tháng 10 năm 2024

(Bằng chữ: Ngày mùng một tháng mười năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Phòng Tư pháp Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.

Tôi, Nguyễn Thu Thảo Duyên


Là Trưởng phòng Tư pháp Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Chứng thực:

Bà Nguyễn Thu Thảo Duyên là người đã ký vào bản dịch này trước mặt-tôi:

Số chứng thực [REDACTED] Quyền số: 01-SCT/CKND

Ngày 07 tháng 10 năm 2024


Nguyễn Thu Thảo Duyên


BỘ NGOẠI GIAO QUỐC CHIA VIỆT NAM
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS OF THE S.R. OF VIETNAM

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
CONSULAR AUTHENTICATION

1. Quốc gia / Country: Viet Nam

2. do Ông (Bà) / Issued by: [REDACTED]

3. với chức danh / in the capacity of: [REDACTED]

4. và con dấu của / bears the seal/stamp of: [REDACTED]

được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự / Certified

5. tại / at: [REDACTED] 6. ngày / the date: [REDACTED]

7. Cơ quan cấp / Issued by: [REDACTED]

8. Số / No: 0362057 / CLS


Nguyễn Thu Thảo Duyên





5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC
EMBASSY OF THE S.R. OF VIET NAM IN THE REPUBLIC OF KOREA

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
CONSULAR AUTHENTICATION

1. Quốc gia.....
Country

Giấy tờ, tài liệu này
This public document

2. do Ông (Bà)..... ký
has been signed by

3. với chức danh.....
acting in the capacity of

4. và nơi đóng dấu.....
bears the seal/stamp of

được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự
Certified

5. tại.....
at

6. ngày.....
on

7. Cơ quan cấp.....
by

8. Số.....
No

Ký tên và đóng dấu
Secretary

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

 **BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Họ và tên: _____
Ngày, tháng, năm sinh: _____
Nơi sinh: _____
Giới tính: _____ Dân tộc: _____
Học sinh trường: _____
Khóa thi: _____ Hội đồng thi: _____
Quảng Ninh _____

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NINH

Số hiệu: _____
Số vào sổ cấp bằng: _____

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

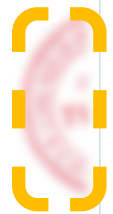
QUANG NINH DEPARTMENT OF EDUCATION AND TRAINING

SCHOOL RECORD HIGH SCHOOL

Full name of student

TRAN THI THANG KHUEN

No.: 0000000000



5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

(Photograph)

SCHOOL RECORD

HIGH SCHOOL

Full name: _____ Gender: _____

Date of birth: _____

Place of birth: _____

Ethnic group: **Kinh**

Being a child of martyrs, war invalids (sick soldiers, the person receiving regime as war invalid, the family has contributed to the revolution): **None**

Current address: _____

Full name of father: _____ Occupation: **teacher**

Full name of mother: _____ Occupation: **teacher**

Full name of patron: _____ Occupation: _____

VICE PRINCIPAL
(Signed and sealed)

STUDY PROCESS

School year	Class	Name of school (district, town, City of province), province (City)	Confirmation of Vice Principal (sign)
2020 – 2021	_____	_____	<i>(Signed)</i>
2021 – 2022	_____	_____	<i>(Signed)</i>
2022 – 2023	_____	_____	<i>(Signed)</i>

151 0 2 151

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

Full name: _____ Class: _____ / _____ Academic year: _____

Group: Basic

Advanced subjects:

Subjects / Educational activities	Grade point average or classification of subjects			Grade or classification after re-exam (if any)	Subjects' teachers
	Term I	Term II	Whole year		
Mathematics	8.0	8.6	8.4		(Signed)
Physics	6.7	8.6	8.0		(Signed)
Chemistry	8.7	8.9	8.8		(Signed)
Biology	8.6	8.9	8.8		(Signed)
Informatics	7.6	9.2	8.7		(Signed)
Literature	8.2	8.0	8.1		(Signed)
History	8.5	9.3	9.0		(Signed)
Geography	8.1	8.7	8.5		(Signed)
English	9.1	9.7	9.5		(Signed)
Civil education	8.3	9.2	8.9		(Signed)
Technology	9.1	9.8	9.6		(Signed)
Physical education	Pass	Pass	Pass		(Signed)
National defense – security education	7.0	9.0	8.3		(Signed)
Option					
GPA of subjects	8.2	9.0	8.7		(Signed)

Corrections in this table at: _____ place, belong to subjects:

Teacher in charge

Confirmation of Principal

(Signed)

(Signed and sealed)

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

School: [REDACTED] District: [REDACTED] Province (City): [REDACTED]

Terms	Classification results		Total absent days in whole year	Classification after re-taking exams or further training of conduct		Go up to higher grade: Permitted Go up to higher class after re-taking exams or further training of conduct: Repeat the grade:
	Conduct	Learning ability		Conduct	Learning ability	
Term I	Very good	Very good	3			
Term II	Very good	Very good				
Whole year	Very good	Very good				

– Certificate of high school vocational training: Rank:

– Won prize in contests at district level upwards:

– Other special awards: Achieved the title of Distinction Student

COMMENTS OF TEACHER IN CHARGE

Be well-behaved, cheerful, amiable with friends, be responsible in work.

(Signed)
[REDACTED]

APPROVAL OF PRINCIPAL

Agree with comments of the Teacher in charge.

[REDACTED]
PRINCIPAL

(Signed and sealed)
[REDACTED]

1/2/2018

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

Full name: _____ Class: _____ Academic year: _____
 Group: Basic Advanced subjects: _____

Subjects / Educational activities	Grade point average or classification of subjects			Grade or classification after re-exam (if any)	Subjects' teachers
	Term I	Term II	Whole year		
Mathematics	8.7	8.8	8.8		(Signed)
Physics	8.9	8.7	8.8		(Signed)
Chemistry	8.9	8.9	8.9		(Signed)
Biology	8.9	9.5	9.3		(Signed)
Informatics	9.1	9.1	9.1		(Signed)
Literature	8.7	8.8	8.8		(Signed)
History	7.9	9.6	9.0		(Signed)
Geography	9.1	9.4	9.3		(Signed)
English	9.2	9.3	9.3		(Signed)
Civil education	8.9	9.1	9.0		(Signed)
Technology	9.2	9.3	9.3		(Signed)
Physical education	Pass	Pass	Pass		(Signed)
National defense – security education	9.4	9.7	9.6		(Signed)
Vocational training	9.0	9.6	9.4		(Signed)
Option					
GPA of subjects	8.9	9.2	9.1		(Signed)

Corrections in this table at: None place, belong to subjects:

Teacher in charge

(Signed)

Confirmation of Principal

(Signed and sealed)

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

School: _____ District: Quang Yen Town Province (City): _____

Terms	Classification results		Total absent days in whole year	Classification after re-taking exams or further training of conduct		Go up to higher grade: Permitted Go up to higher class after re-taking exams or further training of conduct: Repeat the grade:
	Conduct	Learning ability		Conduct	Learning ability	
Term I	Very good	Very good	0			
Term II	Very good	Very good				
Whole year	Very good	Very good				

– Certificate (if any): None

Rank:

– Results in competitions (if any): None

– Other special awards: Achieved the title of Distinction Student

COMMENTS OF TEACHER IN CHARGE

(Sign and full name)

Be well-behaved, polite, have a sense of responsibility. Actively participate in activities and movements. Be self-disciplined in learning.

(Signed)

APPROVAL OF PRINCIPAL

Agree with comments of The teacher in charge.

PRINCIPAL

(Signed and sealed)

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

Full name: _____

Class: _____

Academic year: _____

Group: Basic

Advanced subjects:

Subjects / Educational activities	Grade point average or classification of subjects			Grade or classification after re-exam (if any)	Subjects' teachers
	Term I	Term II	Whole year		
Mathematics	8.5	8.7	8.6		(Signed)
Physics	8.8	8.5	8.6		(Signed)
Chemistry	8.5	9.0	8.8		(Signed)
Biology	8.6	8.7	8.7		(Signed)
Informatics	9.0	9.7	9.5		(Signed)
Literature	8.8	9.1	9.0		(Signed)
History	8.3	8.8	8.6		(Signed)
Geography	9.1	8.8	8.9		(Signed)
English	8.8	9.2	9.1		(Signed)
Civil education	8.6	8.6	8.6		(Signed)
Technology	9.1	8.9	9.0		(Signed)
Physical education	Pass	Pass	Pass		(Signed)
National defense – security education	9.0	9.0	9.0		(Signed)
Option					
GPA of subjects	8.8	8.9	8.9		(Signed)

Corrections in this table at: None place, belong to subjects:

Teacher in charge

Confirmation of Principal

(Signed)

(Signed and sealed)

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

I, undersigned Nguyen Thu Thao Duyen, ID Card No.: _____ issued on _____ by Police Department on Administrative Management of Social Order commit that I exactly translated the content of this document from _____

Date: _____

Tôi, Nguyễn Thu Thảo Duyên, Căn cước công dân số: 030198012192 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày _____. Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Date: _____
 At Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province.
 I, _____
 Head Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province
Certify: Ms./ Nguyen Thu Thao Duyen signed this translation before me.
 Certificate No.: Volume No.: _____

(Bằng chữ: Ngày mùng một tháng mười năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tôi, _____
 Là Trưởng phòng Tư pháp Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Chứng thực:
 Bà Nguyễn Thu Thảo Duyên là người đã ký vào bản dịch này trước mặt tôi.
 Số chứng thực Quyền số: 01-SCT/CKND

TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD DIVISION

BỘ NGOẠI GIAO QUỐC CHIA HCN VIỆT NAM
 MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS OF THE S.R. OF VIETNAM

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
 CONSULAR AUTHENTICATION

Việt Nam

1. Quốc gia / Country: Việt Nam

2. do Ông (Bà) / Issued by: _____ ký

3. với chức danh / acting in the capacity of: Head of Division

4. và con dấu của / bears the seal/stamp of: _____

được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự / Certified

5. tại / at: _____ 6. ngày / the: 02/10/2024

7. Cơ quan cấp / by: _____

8. Số / No: 0362060 / CLS



HC
 HC
 P
 VT

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHHCHN VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC
EMBASSY OF THE S.R. OF VIET NAM IN THE REPUBLIC OF KOREA

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
CONSULAR AUTHENTICATION

Viet Nam

1. Quốc gia / Country: Viet Nam

2. do Ông (Bà) / has been signed by: Deputy Chief of Division of Consular

3. với chức danh / acting in the capacity of: Deputy Chief of Division of Consular

4. và con dấu của / bears the seal/stamp of: [Red circular stamp]

5. tại / at: Embassy of the S.R. of Viet Nam in the ROK

6. ngày / on: [Date]

7. Cơ quan cấp / by: BR-1770/CNLS/HPHLS

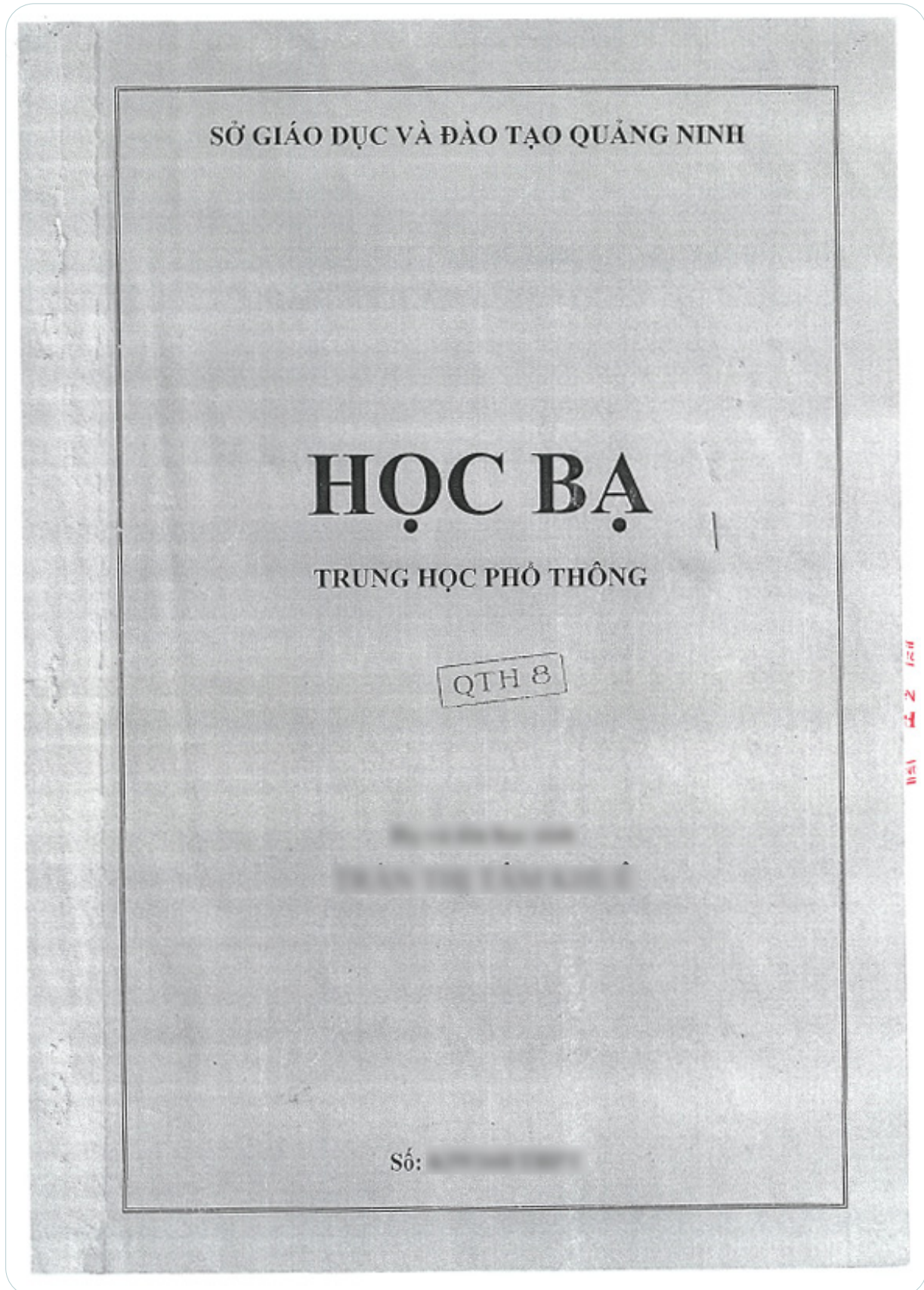
8. Số / N°: [Number]

Ký tên và đóng dấu / Signature and Seal: [Signature]

40807

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea



5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC BẠ

Họ và tên: [REDACTED] Giới tính: Nữ
Ngày sinh: [REDACTED]
Nơi sinh: [REDACTED]
Dân tộc: Kinh
Con liệt sĩ, con thương binh (bệnh binh, người được hưởng chế độ như thương binh, gia đình có công với cách mạng): Không
Chỗ ở hiện tại: Phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
Họ và tên cha: [REDACTED] Nghề nghiệp: giáo viên
Họ và tên mẹ: [REDACTED] Nghề nghiệp: giáo viên
Họ và tên người giám hộ: [REDACTED] Nghề nghiệp: [REDACTED]

Thị xã Quảng Yên, ngày 03 tháng 09 năm 2020

[REDACTED]

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Năm học	Lớp	Tên trường (huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh), tỉnh (TP)	Xác nhận của P. Hiệu trưởng (ký tên)
[REDACTED]	[REDACTED]	[REDACTED]	[REDACTED]
[REDACTED]	[REDACTED]	[REDACTED]	
[REDACTED]	[REDACTED]	[REDACTED]	

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Năm học: _____

Ban: Cơ bản

Môn chuyên: _____

Môn học / Hoạt động GD	Điểm trung bình hoặc xếp loại các môn			Điểm hoặc xếp loại sau KT lại (nếu có)	Giáo viên bộ môn
	H Kỳ I	H Kỳ II	CN		
Toán	8.0	8.6	8.4		Lại Đình Tuấn
Vật lí	6.7	8.6	8.0		Phạm Thị Nga
Hóa học	8.7	8.9	8.8		Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Sinh học	8.6	8.9	8.8		Nguyễn Thị Nhân
Tin học	7.6	9.2	8.7		Nguyễn Thị Thanh Huyền
Ngữ Văn	8.2	8.0	8.1		Nguyễn Thị Thanh Hằng
Lịch sử	8.5	9.3	9.0		Mai Thị Ngân
Địa lí	8.1	8.7	8.5		Nguyễn Thị Phương Thủy
Tiếng Anh	9.1	9.7	9.5		Trình Thị Thủy
GDCD	8.3	9.2	8.9		Vũ Thị Hồng Tâm
Công Nghệ	9.1	9.8	9.6		Mai Thị Hoa
Thể dục	Đ	Đ	Đ		Đỗ Ngọc Tuấn
GDQP AN	7.0	9.0	8.3		Đỗ Văn Phúc
Tự Chọn					
ĐTB các môn học	8.2	9.0	8.7		Nguyễn Thị Thanh Huyền

Trong bảng này có sửa chữa ở: chỗ, thuộc các môn học:.....

Giáo viên chủ nhiệm

Xác nhận của Hiệu trưởng





5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

Trường: _____ Huyện: _____ Tỉnh (TP): _____

Học kỳ	Kết quả xếp loại		TS buổi nghỉ học cả năm	Xếp loại sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện thêm về HK		Được lên lớp thẳng: Lên lớp Được lên lớp sau khi KT lại môn học hoặc rèn luyện thêm về HK:
	HK	HL		HK	HL	
Học kỳ I	Tốt	Giỏi	3			Không được lên lớp:
Học kỳ II	Tốt	Giỏi				
Cả năm	Tốt	Giỏi				

- Có chứng chỉ Nghề phổ thông: Loại:.....

- Được giải thưởng trong các kỳ thi từ cấp huyện trở lên:

- Khen thưởng đặc biệt khác: Đạt danh hiệu Học sinh giỏi

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Ngoan ngoan, vui vẻ, hòa đồng với bạn bè, có trách nhiệm trong công việc

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Đồng ý với nhận xét của GVCN

Thị xã Quảng Yên, ngày 15 tháng 06 năm 2021

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

Trường: _____ Huyện: _____ Tỉnh (TP): _____

Học kỳ	Kết quả xếp loại		TS buổi nghỉ học cả năm	Xếp loại sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện thêm về HK		Được lên lớp thẳng: Lên lớp Được lên lớp sau khi KT lại môn học hoặc rèn luyện thêm về HK:
	HK	HL		HK	HL	
Học kỳ I	Tốt	Giỏi	0			Không được lên lớp:
Học kỳ II	Tốt	Giỏi				
Cả năm	Tốt	Giỏi				

- Chứng chỉ (nếu có): Không
Loại:.....


- Kết quả tham gia các cuộc thi (nếu có): Không

- Khen thưởng đặc biệt khác: Đạt danh hiệu Học sinh giỏi

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Ngoan ngoãn, lễ phép, có tinh thần trách nhiệm. Tích cực tham gia các hoạt động phong trào. Tự giác trong học tập.

Đồng ý với nhận xét của GVCN.



5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#1. Vietnam Embassy In Korea

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Năm học: _____

Ban: Cơ bản

Môn chuyên: _____

Môn học / Hoạt động GD	Điểm trung bình hoặc xếp loại các môn			Điểm hoặc xếp loại sau KT lại (nếu có)	Giáo viên bộ môn
	H Kỳ I	H Kỳ II	CN		
Toán	8.5	8.7	8.6		Lại Đình Tuấn
Vật lí	8.8	8.5	8.6		Phạm Quang Huy
Hóa học	8.5	9.0	8.8		Thị Quỳnh Trang
Sinh học	8.6	8.7	8.7		Lê Thị Lan
Tin học	9.0	9.7	9.5		Nguyễn Thị Hồng Linh
Ngữ Văn	8.8	9.1	9.0		Đỗ Thị Mỹ Hạnh
Lịch sử	8.3	8.8	8.6		Nguyễn Thị Thanh Bình
Địa lí	9.1	8.8	8.9		Thị Phương Thủy
Tiếng Anh	8.8	9.2	9.1		Nguyễn Thị Quỳnh Yên
GDCD	8.6	8.6	8.6		Nguyễn Thị Hồng Tâm
Âm Nhạc	9.1	8.9	9.0		Vũ Thị Ngọc Thu
Thể dục	Đ	Đ	Đ		Phạm Thị Thanh
GDQP AN	9.0	9.0	9.0		Đỗ Văn Phúc
Tự Chọn					
ĐTB các môn học	8.8	8.9	8.9		Lê Thị Lan

Trong bảng này có sửa chữa ở: Không chỗ, thuộc các môn học:.....

.....

.....

.....

.....

HAI X B INH

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

문서확인번호 [REDACTED]

등부 [REDACTED]
Registered No. [REDACTED]

검증 완료

확인서
LETTER OF CONFIRMATION

ESY UP

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

HIGH SCHOOL DIPLOMA

Fullname : _____
Date of birth : _____
Place of birth : _____
Gender : _____ Ethnic group: Kinh
Student of school : _____
Examination Course : _____ Examination Board: Hai Phong Department of Education and Training

DIRECTOR OF HAI PHONG DEPARTMENT OF EDUCATION
AND TRAINING

(Signed and sealed)

Number sign: _____
Registration Book Number: _____

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

I, undersigned _____, ID Card No.: _____, issued on _____ by Police Department on Administrative Management of Social Order commit that I exactly translated the content of this document **from Vietnamese into English.**

Date: _____
Tôi, Nguyễn Thu Thảo Duyên, Căn cước công dân số: 030198012192 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày _____ Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ **tiếng Việt** _____

NGƯỜI DỊCH/TRANSLATOR

1. Quốc gia / Country: Việt Nam
2. Họ tên (B) / Name: _____
3. Nội dung (B) / Content: _____
4. Nơi cấp / Issued at: _____
5. Ngày / Date: _____
6. Ký / Signed: _____
7. Chức vụ / Position: _____
8. Số / No.: _____
9. Chức vụ / Position: _____
10. Chức vụ / Position: _____



Date: _____
At Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province.
I, _____
Head Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province.
Certify: _____ signed this translation **before me.**
Certificate No.: _____ Volume No.: _____

Ngày _____
(Bằng chữ: Ngày hai mươi tám, tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Phòng Tư pháp huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.

Tôi, _____

Là Trưởng phòng Tư pháp Huyện Hoa Lư, _____

Chứng thực:

Bà Nguyễn Thu Thảo Duyên là người đã ký vào bản dịch này **trước mặt** tôi:

Số chứng thực Quyền số: 01-SCT/CKND

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN HOA LƯU



TRƯỜNG THPT HOA LƯU

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Nơi sinh:
Giới tính: Dân tộc: **Kinh**
Học sinh trường:
Khóa thi: **07/7/2021** Hội đồng thi: **Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng**
ngày... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO


Số hiệu:
Số vào sổ cấp bằng:

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

확인서

문서확인번호: [REDACTED]

<p>등부: [REDACTED]</p> <p style="text-align: center;">확인</p> <p>위 문서 주재국공문서의확인_기타에 기재(날인)된 국 공무원(공증인)의 서명(직인)의 진실함과 그 직위를 확인한다.</p> <p style="text-align: center;">[REDACTED]</p> <p>성명: [REDACTED] (서명: [REDACTED])</p> <p>직위: 영사</p> <p>재외공관 영칭: 주베트남대한민국 대사관</p> <p>소재지: Block No.4 Diplomatic Complex, Do Nhuan St, Xuan Tao, Bac Tu Liem, Hanoi, Vietnam</p>	<p>Registered No. [REDACTED]</p> <p style="text-align: center;">Confirmation</p> <p>This is to confirm that the signature(official seal) and his(her) position of [REDACTED] the official(Notary Public) affixed to the accompanying document, is true and authentic.</p> <p style="text-align: center;">[REDACTED]</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: right;">KOREA</p>
---	--

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

문서 확인번호	[REDACTED]	검증 완료
등부 Registered No.	[REDACTED]	

확인서
LETTER OF CONFIRMATION

EMBASSY OF THE

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

HAI PHONG DEPARTMENT OF EDUCATION AND TRAINING

SCHOOL REPORT

HIGH SCHOOL

Pupil's name

No.:

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness



SCHOOL REPORT HIGH SCHOOL

Full name : _____ Sex: _____
 Date of birth : _____
 Place of birth : _____
 Ethnic group : Kinh Children of War martyr, wounded soldier (sick soldiers, people who enjoy the regime as wounded soldiers and families with meritorious contribution to the revolution):
 Present address : _____
 Full name of father : _____ Occupation: Construction engineer
 Full name of mother : _____ Occupation: Employee
 Full name of the patron : _____ Occupation: _____

Hai Phong, _____

PRINCIPAL
(Signed and sealed)

SUMMARY OF STUDY PERIOD

Academic year	Class	Name of School, District (town), Province (City)	Confirmation of Principal (Signature)
2018 - 2019			(Signed and sealed)
2019 - 2020			(Signed and sealed)
2020 - 2021			(Signed and sealed)
20... - 20...			

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Pupil's name: _____

Class: _____

Academic year: _____

Section: Basic

Advanced subjects:

Subjects/ Educational activities	Average marks of subject			Mark of re-examination (If any)	Teachers' signature for confirmation of average mark of subjects or comments (If any)
	Semester I	Semester II	Whole year		
Mathematics	8.4	6.9	7.4		<i>Signed</i>
Physics	7.8	7.0	7.2		<i>Signed</i>
Chemistry	7.8	7.6	7.7		<i>Signed</i>
Biology	6.0	8.3	7.5		<i>Signed</i>
Informatics	8.4	8.5	8.5		<i>Signed</i>
Literature	6.7	6.5	6.6		<i>Signed</i>
History	6.6	7.1	6.9		<i>Signed</i>
Geography	8.0	7.8	7.9		<i>Signed</i>
Foreign language: English	7.1	7.2	7.2		<i>Signed</i>
Technology	7.9	8.5	8.3		<i>Signed</i>
Defense Education	9.1	8.4	8.6		<i>Signed</i>
Physical Education	Pass	Pass	Pass		<i>Signed</i>
Optional Subjects	Foreign language 2				
	Vocational subject				
Citizen Education	6.7	7.2	7.0		<i>Signed</i>
Average mark	7.5	7.6	7.6		<i>Signed</i>

There is no correction in this table: 0

Subject to:

Teacher in charge
(Signed)

Confirmation of Principal
(Signed and sealed)
Vice Principal

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

School: District: Province (City):

Semesters	Classification		No. of days off	Classification after re-examination of further effort in terms of conduct		<ul style="list-style-type: none"> - Go up to 11th class - Go up to higher class after re-examination of further effort in terms of conduct: - Repeat grade:
	Studying ability	Conduct		Studying ability	Conduct	
I	Good	Good	0			
II	Good	Good				
Whole year	Good	Good				

- Having the vocational training certificate: Ranking:
 - Winning prizes of examination of province level or higher:
 - Others rewards: Achieved advanced student in semester 1, 2 and the year

REMARK OF THE TEACHER IN CHARGE

- Good sense of discipline
 - Study well but need to try harder

Teacher in charge
(Signed)

APPROVAL OF PRINCIPAL

Agree with the homeroom teacher's comments

PRINCIPAL
(Signed and sealed)
Vice Principal

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Pupil's name: _____ Class: _____ Academic year: _____
 Section: Basic Advanced subjects: _____

Subjects/ Educational activities	Average marks of subject			Mark of re-examination (If any)	Teachers' signature for confirmation of average mark of subjects or comments (If any)
	Semester I	Semester II	Whole year		
Mathematics	8.0	6.9	7.3		Signed
Physics	8.0	6.9	7.3		Signed
Chemistry	5.8	7.4	6.9		Signed
Biology	8.3	8.8	8.6		Signed
Informatics	6.9	7.5	7.3		Signed
Literature	6.2	5.5	5.7		Signed
History	7.4	7.1	7.2		Signed
Geography	7.4	8.0	7.8		Signed
Foreign language: English	7.3	6.3	6.6		Signed
Technology	6.6	8.0	7.5		Signed
Defense Education	8.4	8.0	8.1		Signed
Physical Education	Pass	Pass	Pass		Signed
Optional Subjects	Foreign language 2				
	Vocational subject	8.8	8.0	8.3	Signed
Citizen Education	7.3	8.2	7.9		Signed
Average mark	7.3 /	7.4 /	7.4 /		Signed
There is no correction in this table: 0			Subject to:		
Teacher in charge (Signed) _____			Confirmation of Principal (Signed and sealed) Vice Principal _____		

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

School: District: Province (City):

Semesters	Classification		No. of days off	Classification after re-examination of further effort in terms of conduct		- Go up to 12 th class - Go up to higher class after re-examination of further effort in terms of conduct: - Repeat grade:
	Studying ability	Conduct		Studying ability	Conduct	
I	Good	Good	01			
II	Good	Good				
Whole year	Good	Good				

- Having the vocational training certificate: Ranking:
- Winning prizes of examination of province level or higher:
- Others rewards: Achieved advanced student in semester 1, 2 and the year

REMARK OF THE TEACHER IN CHARGE

- Actively participate in creative experiential activities and life skills education
- Good thinking in Natural Sciences subjects

Teacher in charge

(Signed)

APPROVAL OF PRINCIPAL

Agree with the homeroom teacher's comments

PRINCIPAL

(Signed and sealed)

Vice Principal

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Pupil's name: _____ Class: _____ Academic year: _____
 Section: Basic Advanced subjects: _____

Subjects/ Educational activities	Average marks of subject			Mark of re-examination (If any)	Teachers' signature for confirmation of average mark of subjects or comments (If any)
	Semester I	Semester II	Whole year		
Mathematics	8.0	9.0	8.7		Signed
Physics	7.1	8.1	7.8		Signed
Chemistry	8.6	8.2	8.3		Signed
Biology	8.0	9.3	8.9		Signed
Informatics	8.4	8.6	8.5		Signed
Literature	7.1	7.1	7.1		Signed
History	7.9	8.7	8.4		Signed
Geography	8.4	8.7	8.6		Signed
Foreign language: English	7.2	8.2	7.9		Signed
Technology	8.6	8.7	8.7		Signed
Defense Education	9.0	9.0	9.0		Signed
Physical Education	Pass	Pass	Pass		Signed
Optional Subjects	Foreign language 2				
	Vocational subject				
Citizen Education	8.4	8.6	8.5		Signed
Average mark	8.1 /	8.5 /	8.4 /		Signed

There is no correction in this table: 0

Subject to:

Teacher in charge
(Signed)

Confirmation of Principal
(Signed and sealed)

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

I, undersigned _____, ID Card No.: _____, issued on _____ by Police Department on Administrative Management of Social Order commit that I exactly translated the content of this document **from Vietnamese into English.**

Date: _____
 Tôi, Nguyễn Thu Thảo Duyên, Căn cước công dân số: 030198012192 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày _____. Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của văn bản này từ tiếng _____.


Ngày _____
NGƯỜI DỊCH/TRANSLATOR

Date: _____
 At Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province.
 I, _____
 Head Justice Division of Hoa Lu District, Ninh Binh province
Certify: _____ signed this translation before me.
 Certificate No.: Volume No.: _____

(Bằng chữ: Ngày hai mươi tám, tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Phòng Tư pháp huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.
 Tôi, _____

Là Trưởng phòng Tư pháp Huyện Hoa Lư, _____
Chứng thực: _____ ký vào bản dịch này trước mặt tôi.
 Số chứng thực Quyển số: 01-SCT/CKND



BỘ NGOẠI GIAO QUỐC CHIA VIỆT NAM
 MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS OF THE S.R. OF VIETNAM

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
 CONSULAR AUTHENTICATION

1. Quốc gia Viet Nam /
 Country
 Giấy tờ, tài liệu này
 This public document

2. do Ông (Bà) ký
 Has been signed by

3. với chức danh Head of Division
 acting in the capacity of

4. và con dấu của
 bears the seal/stamp of

được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự
 Certified

5. tại Hanoi
 at the date/when

7. Cơ quan cấp Consular Department
 by

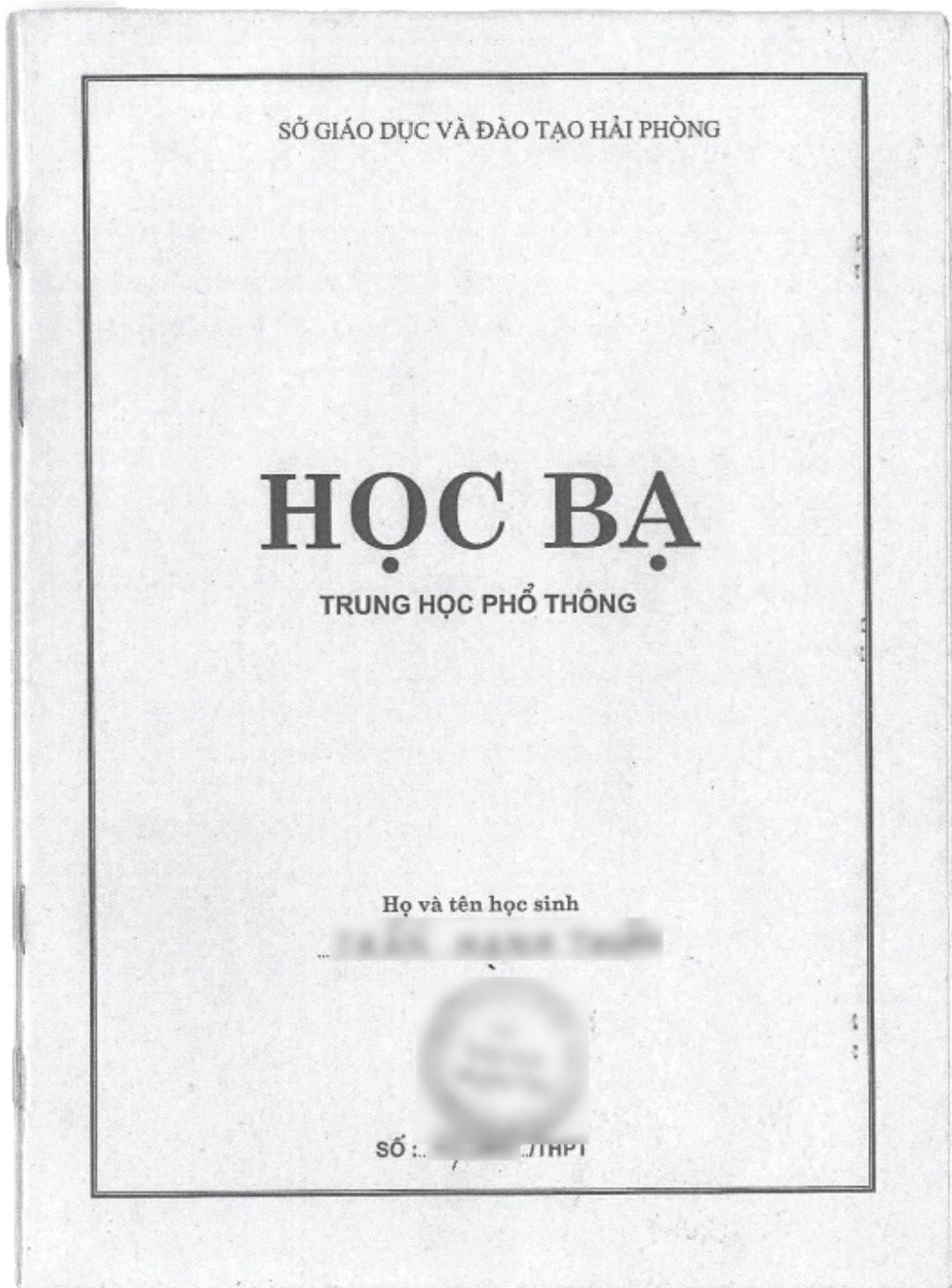
8. Số 0313303 / ... CLS
 N°
 Ký tên và đóng dấu
 Signature and seal/stamp
 Deputy Chief of Division of Consular Department

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP / DIVISION



5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT


#2. Korea Embassy In Vietnam



5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỌC BẠ

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: tháng năm

Nơi sinh: *Hải Phòng*

Dân tộc: *Khơ*, con liệt sĩ, con thương binh (bệnh binh, người được hưởng chế độ như thương binh, gia đình có công với cách mạng).....

Chỗ ở hiện tại:

Họ và tên cha: nghề nghiệp:

Họ và tên mẹ: nghề nghiệp:

Họ và tên người giám hộ: nghề nghiệp:

Hải Phòng, ngày *10* tháng *10* năm *2020*

Th.S. *Thầy giáo*

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Năm học	Lớp	Tên trường, huyện (quận, thị xã, TP thuộc tỉnh), tỉnh (TP)	Xác nhận của hiệu trưởng (ký tên)
2018-2019	10A7
2019-2020	11B7
2020-2021	12C5
20.....-20.....			
20.....-20.....			

1

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Trường: Huyện: Tỉnh (TP):

HỌC KỲ	Kết quả xếp loại		TS buổi nghỉ học cả năm	Xếp loại sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện thêm về HK		- Được lên lớp thẳng: - Được lên lớp sau KT lại môn học hoặc rèn luyện thêm về HK..... - Không được lên lớp:.....
	HL	HK		HL	HK	
Học kỳ I	K	T	0			
Học kỳ II	K	T				
Cả năm	K	T				

- Có chứng chỉ Nghề phổ thông: Loại:

- Được giải thưởng trong các kỳ thi từ cấp huyện trở lên:

- Khen thưởng đặc biệt khác: *Đạt danh hiệu HSTT Học kỳ 1, 2 và cả năm*

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(Ký và ghi rõ họ tên)

*- ý thức học tập tốt, chăm chỉ.
- Học khá song còn cố gắng nhiều hơn nữa.*

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

ĐỒNG Ý VỚI NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

HIỆU TRƯỞNG *th*

ĐƯỢC TẠO BÊN QUẢN LÝ

3

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Họ và tên: Lớp: Năm học:

Ban : 6 ban Các môn học nâng cao :

Môn học/ Hoạt động GD	Điểm trung bình hoặc xếp loại các môn			Điểm hoặc xếp loại sau KT lại (nếu có)	Giáo viên bộ môn ký xác nhận ĐTB môn học, xếp loại, sửa chữa hoặc nhận xét (nếu có) (Ký và ghi rõ họ tên)	
	HKY I	HKY II	CN			
Toán	8,0	6,9	7,3		<i>G. Dũng Mạnh</i>	
Vật lí	8,0	6,9	7,3		<i>Yun Trần Yến</i>	
Hóa học	5,8	7,4	6,9		<i>D. Dũng Mạnh</i>	
Sinh học	8,3	8,8	8,6		<i>Nguyễn Hưng</i>	
Tin học	6,9	7,5	7,3		<i>Phạm Hải Anh</i>	
Ngữ văn	6,2	5,5	5,7		<i>Nguyễn Đình Thảo</i>	
Lịch sử	7,4	7,1	7,2		<i>Nguyễn Hiệp</i>	
Địa lí	7,4	8,0	7,8		<i>Nguyễn Anh</i>	
Ngoại ngữ Tiếng Anh	7,3	6,3	6,6		<i>Chu T. Minh Hoàng</i>	
Công nghệ	6,6	8,0	7,5		<i>P. Kiên</i>	
GDQP-AN	8,4	8,0	8,1		<i>Nguyễn Việt</i>	
Thể dục	A	A	A		<i>Nguyễn Việt</i>	
Tự chọn	NN2					
	Nghề PT	8,8	8,0	8,3		<i>Phạm Trần Thuận</i>
Giáo dục công dân		7,3	8,2	7,9		<i>Nguyễn Hiệp</i>
ĐTB các môn	7,3	7,9	7,9		<i>G. Dũng Mạnh</i>	

Trong bảng này có sửa chữa ở: 0 chỗ, thuộc các môn học:

Xác nhận của giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Hiệu trưởng

4

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Trường: Huyện: Tỉnh (TP):

HỌC KỲ	Kết quả xếp loại		TS buổi nghỉ học cả năm	Xếp loại sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện thêm về HK		- Được lên lớp thẳng: - Được lên lớp sau KT lại môn học hoặc rèn luyện thêm về HK..... - Không được lên lớp:.....
	HL	HK		HL	HK	
Học kỳ I	Khá	Tốt	01			
Học kỳ II	Khá	Tốt				
Cả năm	Khá	Tốt				

- Có chứng chỉ Nghề phổ thông: Loại:

- Được giải thưởng trong các kỳ thi từ cấp huyện trở lên:

- Khen thưởng đặc biệt khác: Học sinh tiên tiến Học kỳ I, Học kỳ 2 và cả năm.

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và giáo dục kĩ năng sống.
- Tự duy các môn KHTN tốt.

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

ĐỒNG Ý VỚI NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2020.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Họ và tên: Lớp: Năm học:

Ban: C0. An Các môn học nâng cao:

Môn học/ Hoạt động GD	Điểm trung bình hoặc xếp loại các môn			Điểm hoặc xếp loại sau KT lại (nếu có)	Giáo viên bộ môn ký xác nhận ĐTB môn học, xếp loại, sửa chữa hoặc nhận xét (nếu có) (Ký và ghi rõ họ tên)
	HKy I	HKy II	CN		
Toán	8,0	9,0	8,7		Nguyễn Cường
Vật lí	7,1	8,1	7,8		Trần Đức
Hóa học	8,6	8,2	8,3		Châu Thanh Kim
Sinh học	8,0	9,3	8,9		Nguyễn Hùng
Tin học	8,4	8,6	8,5		Phạm Hải Anh
Ngữ văn	7,1	7,1	7,1		Nguyễn Huyền
Lịch sử	7,9	8,7	8,4		Nguyễn Hiệp
Địa lí	8,4	8,7	8,6		Đào Chí Kiên
Ngoại ngữ <u>T. Anh</u>	7,2	8,2	7,9		Nguyễn Quỳnh Châu
Công nghệ	8,6	8,7	8,7		Nguyễn Hoàng Phương
GDQP-AN	9,0	9,0	9,0		Nguyễn Việt
Thể dục	Đ	Đ	Đ		Nguyễn Việt
Tự chọn	NN2				
	Nghề PT				
Giáo dục công dân	8,4	8,6	8,5		Nguyễn Hiệp
ĐTB các môn	8,1	8,5	8,4		Nguyễn Cường

Trong bảng này có sửa chữa ở: chỗ, thuộc các môn học:

Xác nhận của giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Hiệu trưởng

6

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

Trường Huyện: Tỉnh (TP):

HOC KỶ	Kết quả xếp loại		TS buổi nghỉ học cả năm	Xếp loại sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện thêm về HK		- Được lên lớp thẳng: ..Đủ đk. lên TN.T.Đ.T..... - Được lên lớp sau KT lại môn học hoặc rèn luyện thêm về HK..... - Không được lên lớp:.....
	HL	HK		HL	HK	
Học kỳ I	Giỏi	Tốt	0			
Học kỳ II	Giỏi	Tốt				
Cả năm	Giỏi	Tốt				

- Có chứng chỉ Nghề phổ thông: ..Đình học văn phòng..... Loại: ..Giỏi.....

- Được giải thưởng trong các kỳ thi từ cấp huyện trở lên:

- Khen thưởng đặc biệt khác: ..Đạt danh hiệu học sinh giỏi học kỳ I, học kỳ II và cả năm.....

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(Ký và ghi rõ họ tên)

- nhanh nhẹn, có mồm, hòa đồng với các bạn
- nghiêm túc trong học tập
- tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và rèn kỹ năng sống

hwa

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

ĐỒNG Ý VỚI NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

....., ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

thv



7

5. HIGH SCHOOL GRADUATION CERTIFICATE AND TRANSCRIPT

#2. Korea Embassy In Vietnam

확 인 서

문서확인번호

<p>등부 <input type="text"/></p> <p style="text-align: center;">확 인</p> <p>위 문서 주재국공문서의확인_기타 에 기재(날인)된 국 공무원(공증인)의 서명(직인)의 진실함과 그 직위를 확인한다.</p> <p style="text-align: center;"><input type="text"/></p> <p>성명: <input type="text"/> (서명 <input type="text"/>)</p> <p>직위: 영사</p> <p>재외공관 영장: 주베트남대한민국 대사관</p> <p>소재지: <input type="text"/></p>	<p>Registered No. <input type="text"/></p> <p style="text-align: center;">Confirmation</p> <p>This is to confirm that the signature(official seal) and his(her) position of <input type="text"/> the official(Notary Public) affixed to the accompanying document, is true and authentic.</p> <div style="text-align: center; margin-top: 20px;">  </div> <div style="text-align: right; margin-top: 20px;">  </div>
--	--

6. ELIGIBILITY DOCUMENTS

#1. English Track

IELTS™
Test Report Form

GENERAL TRAINING

NOTE Assessment in undergraduate and post graduate courses should be based on the accepted Reading and Writing modules. Certain 'restricted' Reading and Writing modules are also designed to meet the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language skills be calibrated to the full range of IELTS test scores at least two years from the date of the test. To find out more about IELTS Academic and the IELTS tests, please visit ielts.org.uk.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name

First Name(s)

Candidate ID

Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code

Country or Region of Origin

Country of Nationality

First Language

Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score CEFR Level

Administrator Comments

Recognising organisations must verify this score at ielts.org/verify

Validation stamp

Date Test Report Form Number

BRITISH COUNCIL idp Cambridge Assessment English

ETS TOEFL iBT Test Taker Score Report

Last (Family/Surname) Name, First (Given) Name Middle Name

Email

Institution Code Department Code

Test Date: Gender:

Appointment #: Date of Birth:

Native Language: Country of Birth:

Test Center Country

Test Center:

Test Date:

Total Score out of 120

Reading Listening Speaking Writing

MyBest® Scores Your highest section scores from all valid test dates, as of June 04, 2024.

Sum of Highest Section Scores out of 120

Reading (0-30) Listening (0-30) Speaking (0-30) Writing (0-30)

Test Date Test Date Test Date Test Date

SECURITY IDENTIFICATION

ID Type:

ID No.:

Issuing Country:

A total score is not reported when one or more sections have not been administered. Expired scores are not included in MyBest® calculations.

79-82

THIS IS A PDF SCORE REPORT, DOWNLOADED AND PRINTED BY THE TEST TAKER.

Copyright © 2023 by ETS. All rights reserved. ETS, the ETS logo, MyBest, TOEFL and TOEFL iBT are registered trademarks of ETS in the United States and other countries. Page 1 of 2

TEPS
SCORE REPORT

YOUR SCORES

Total Score **418** Level **2+** Percentile Rank **81.33**

Listening **149** Average 119 Percentile Rank **74**

Vocabulary **35** Average 32 Percentile Rank **56**

Grammar **38** Average 32 Percentile Rank **55**

Reading **196** Average 119 Percentile Rank **90**

YOUR ENGLISH PROFICIENCY

Advanced level of English proficiency. A score at this level typically indicates an advanced level of English proficiency for a non-native speaker. A test taker at this level is able to perform general tasks after short-term training.

Section	Subskill	Proficiency
Listening	Understanding the connection of ideas across turns in spoken texts	Intermediate
	Understanding the main ideas of spoken texts	Advanced
	Understanding specific information in spoken texts	Intermediate
Vocabulary	Understanding vocabulary used in spoken contexts	Intermediate
	Understanding vocabulary used in written contexts	Basic
Grammar	Understanding grammar used in spoken contexts	Intermediate
	Understanding grammar used in written contexts	Intermediate
Reading	Understanding the main ideas of written texts	Advanced
	Understanding specific information in written texts	Advanced
	Making inferences based on given information in written texts	Advanced
	Understanding the connection of ideas across sentences in written texts	Intermediate

NAME **HONG GIL DONG**

DATE OF BIRTH **JUL. 12, 1990**

GENDER **MALE**

REGISTRATION NO. **0123456**

TEST DATE **MAY 12, 2018**

VALID UNTIL **MAY 12, 2020**


Barcode

NO. RAAA00000000

THE TEPSCOUNCIL


6. ELIGIBILITY DOCUMENTS

#2 Korean Track



한국어능력시험 성적증명서 OFFICIAL TOPIK SCORE REPORT

수험자 정보[Test-taker's Information]

	성명 Name HONG GIL DONG	성별 Gender M	응시국가 Country Korea	생년월일 Date of Birth 0000/00/00 yyyy/mm/dd
	수험번호 Registration No. 00000000000000	시험수준 Test Level TOPIK II	회차/시험일 Test Held/Test Date 46th/2016/04/17 yyyy/mm/dd	성적유효기간 Valid Until 2018/05/25 yyyy/mm/dd

시험 결과[Test Result]

영역 Section	점수 Score	수험자 점수 및 수험자 집단 평균 Score and Average	총점 Total Score	등급 Test Result
듣기 Listening	10/100	<input type="checkbox"/> yes <input type="checkbox"/> no	270/300	6급
쓰기 Writing	90/100	<input type="checkbox"/> yes <input type="checkbox"/> no		
읽기 Reading	90/100	<input type="checkbox"/> yes <input type="checkbox"/> no		

언어 수행 능력[Level Description]

시험 수준	TOPIK II	등급	6급
듣기 Listening	대부분의 업무 수행 영역에서의 대화나 정치, 경제, 사회, 문화, 교육 등의 전문 분야와 관련 있는 다소 심도 깊은 대화와 담화, 다소 복잡한 강연이나 연설, 대답을 듣고 내용 파악하고 추론하며 비판적으로 이해할 수 있다.		
쓰기 Writing	사회적, 추상적 소재 또는 업무나 전문 분야와 관련된 논술문을 정확하고 적절하게 구성할 수 있다.		
읽기 Reading	대부분의 업무 수행과 관련된 글, 전문 영역에 관련된 글을 읽고 내용을 이해하고, 추론하고, 비판적으로 분석할 수 있다. 소설, 희곡, 평론 등을 읽고 작자의 의도, 심리 등을 파악할 수 있다.		

국립국제교육원장

President of National Institute for International Education

위조방지 랩

6. ELIGIBILITY DOCUMENTS

#2 Korean Track

제 24Y0276G1A001964 호


세종학당
King Sejong Institute

수료증

Certificate of Course Completion



학당명 (Kor) : 한국(예시)
 Name of Institute(Eng) : Korea

이름 (Kor) : 양세종
 영문(Eng) : Yang Sejong

생년월일 (D.O.B) : 1994-05-04 (YYYY-MM-DD)

교육과정 (Course) : 세종학당 실용 한국어 초급 - 세종학당 실용 한국어 1A

교육기간 (Term) : 2024-03-04 ~ 2024-06-28

수업사수 (Credit Hours) : 총 102시간 (Total 102hours)

위 사람은 세종학당의 교육과정을 수료하였으므로, 이 증서를 수여합니다.
 This is to certify that the person whose name appears above has successfully completed the aforesaid course by the King Sejong Institute.

2025. 02. 11.
Date Issued

한국(예시) 세종학당장
Head of King Sejong Institute, Korea

<법무부 로고>

발급번호 : KIIPTEST-SU-20-00000000

사회통합프로그램 평가 성적증명서

인적 사항	성명	생년월일		
	평가	평가일자		
평가 정보	사전평가		2000.00.00.	
	필기	구술	총점	결과
평가 성적				00단계 배정 (합격/불합격)

위 사람은 출입국관리법 시행령 제48조 제2항의 규정에 따라, 법무부 사회통합프로그램 평가에서 위와 같은 성적을 받았음을 증명함

20 년 월 일

법무부
00출입국·외국인청(사무소)장 (직인)

사회통합프로그램 교육 확인서

발급번호 : KIIPEDU-SU-19-00000000

인적 사항	성명			체류자격	
	외국인등록번호 / 주민등록번호			연락처	
	국적			체류지	
	체류지				

교육 배정 단계 : 0단계, 1단계, 2단계, 3단계, 4단계, 5단계(기본)

단계	교육 과정	교육기관(최종)	상태	교육인정시간
0	한국어와 한국문화 기초			총 시간 (시각 20 ... ~ 종료: 20 ...)
1	한국어와 한국문화 초급1			총 시간 (시각 20 ... ~ 종료: 20 ...)
2	한국어와 한국문화 초급2			총 시간 (시각 20 ... ~ 종료: 20 ...)
3	한국어와 한국문화 중급1			총 시간 (시각 20 ... ~ 종료: 20 ...)
4	한국어와 한국문화 중급2			총 시간 (시각 20 ... ~ 종료: 20 ...)
5	한국사회이해(기본)			총 시간 (시각 20 ... ~ 종료: 20 ...)
5	한국사회이해(심화)			총 시간 (시각 20 ... ~ 종료: 20 ...)

【교육 상태 구분】

수료 수료인정 출석시간 충족 (해당 교육을 마친 것은 아님)	이수 평가 합격 또는 반분수료(평가 불합격자 등)하여 해당 단계 교육을 마침	이수완료 최종 5단계 기본(영주용) 또는 심화(귀화용) 과정을 이수하여 사회통합프로그램을 마침
이수 중 현재 교육에 참여 중임	이수정지 교육진행 중 부득이한 사유로 잠시 교육을 중단함	제적 교육 인정시간이 모두 종료처리됨
유급 수료인정 출석시간 불충족 (수료하지 못한)		

위 사람은 출입국관리법 제 39조에 따른 사회통합프로그램 교육에 위와 같이 참여하였음을 확인합니다.
 ※ 최종 이수 상태가 아닌 참여자는 재입국 시 상기 교육은 모두 무효처리됨

20 년 월 일

법무부 00출입국·외국인청(사무소)장 (직인)

교육 확인서 진위여부는 사회통합정보망(www.socinet.go.kr)의 알림마당에서 발급번호로 확인 가능

<법무부 로고>

발급번호 : SU-KIIP-17-0000000

사회통합프로그램 이수증

(한국이민귀화적격과정)

성명 :
 생년월일 :
 운영기관 :

위 사람은 법무부에서 시행한 이민자 사회통합프로그램(KIIP) 한국이민귀화적격과정을 이수완료 하였기에 이 증서를 수여함

20 년 월 일

법무부
00출입국·외국인청(사무소)장 (직인)

이수증 진위여부는 사회통합정보망(www.socinet.go.kr)의 알림마당에서 확인 가능

※ 발급번호 : 관서 영문약호 + KIIP + 발급연도(2자리) + 전산번호
 ※ 운영기관은 실제 교육이 이루어진 기관 기재(거점 또는 일반)

7. VERIFICATION OF DEPOSIT

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long

Địa chỉ: 117A, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 02437542059 | Fax: 02437543480

www.vietinbank.vn



GIẤY XÁC NHẬN SỐ DƯ CỦA NGÂN HÀNG CONFIRMATION LETTER OF BANK

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long -Phòng giao dịch Mỹ Đình xác nhận:

Vietnam JSC Bank for Industry and Trade (Vietinbank) – Nam Thang Long Branch-My Dinh Transaction office certifies the following:

TÊN KHÁCH HÀNG /CUSTOMER'S NAME: _____

SỐ CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKKD/ ID number/Passport /Business Registration No: _____

- Ngày cấp / Issued on: _____

- Nơi cấp/ Issued at: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội/ Director General of Police Department for Administrative Management of Social Order

Địa chỉ/ Address : _____

II. TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN / Legal representative's name (nếu có/ if any):.....

- Chức vụ / Job position: – Giấy ủy quyền số/ Letter of authority no:

- Ngày/ dated: – Của/ by:

Tại thời điểm 14 giờ 00 phút ngày 02/01/2025 (At 14:00 on 02/01/2025)

Trong khoảng thời gian từ ngày.../.../..... đến ngày.../.../.... (From dd/mm/yyyy to dd/mm/yyyy):

Sr No	Số số/ số seri/ Số HD Book/ serial/ Contract number	Số tài khoản Account number	Số dư/ mệnh giá (nguyên tệ) Balance/ par value	Kỳ hạn (ngày/ tháng) Term (Days/ months)	Trạng thái Status	Ngày phát hành Date of issue	Ngày đến hạn Date of maturity
			530.000.000 VND	12 months	Active	02/01/2025	02/01/2026
Tổng cộng / Total			530.000.000 VND				
Bằng chữ / In words			Năm trăm ba mươi triệu đồng./ Five hundred thirty million Vietnamese dong Tương đương /Equivalent: 20,948.616 USD. Tỷ giá ngoại tệ /Exchange rate: 25,30 VND/USD				

Giấy xác nhận này được cấp (02) bản theo yêu cầu của khách hàng.

This letter of confirmation is issued in (02) copy/copies at the customer's request.

Ghi chú: Giấy xác nhận này không thay cho các cam kết của NHTMCP Công thương về các nghĩa vụ của khách hàng được xác nhận với bên thứ ba.

Note: This confirmation provides no commitment on the part of Vietinbank in regards to customer's obligations with any third parties.

Hà Nội, ngày (date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

LÃNH ĐẠO PGD/CN (VIE)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ



